

Bản án số: 13 /2024/DS - ST  
Ngày: 11/9/2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*-Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Duy Trí.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Văn Hùng và bà Đỗ Thị Kim Vân;

*-Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thuý Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLST - DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST - DS ngày 01/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐ-ST ngày 16/8/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Đ**; trụ sở: số 22 N, phường T1, quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chủ tịch Hội đồng quản trị; đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T - Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản.

Người nhận ủy quyền lại của ông Mai Xuân T: Bà Hồ Việt H2 - Phó giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản; ông Lô Thành T2 - Phó giám đốc quản lý khách hàng không tài sản đảm bảo; bà Bùi Thu T3 - Chuyên viên quản lý khách hàng. (Có mặt bà Trang).

*Bị đơn:* Anh **Trần Đại N**, sinh năm 1983. HKTT và trú tại: Khu tập thể bệnh viện T3, xã H1, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trình bày:*

Ngày 26/01/2018, anh Trần Đại N ký hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 61/2018/HĐTD/PVB-MĐ với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh L1 – Phòng giao dịch M vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Ngày 26/01/2018, phía ngân hàng đã giải ngân cho anh Trần Đại N đủ số tiền vay 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) đã được anh N ký nhận tại Khế ước nhận nợ số 01 ngày 26/01/2018. Các bên thỏa thuận: Mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên; lãi suất 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân là 14,5%/năm, sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được xác định bằng lãi suất tiền gửi sản phẩm Đ1 kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của P công bố từng thời kỳ cộng biên độ 6%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi theo quy định của Ngân hàng nhưng không vượt quá 10%/năm; tiền gốc và tiền lãi trả vào ngày 26 hàng tháng theo dư nợ giảm dần, mỗi kỳ trả nợ gốc là 3.334.000 đồng bắt đầu tính từ ngày 26/02/2018; ngoài ra hợp đồng còn quy định quyền, nghĩa vụ của bên cho vay và bên vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù phía ngân hàng nhiều lần đôn đốc, gửi thông báo trả nợ lãi và gốc nhưng anh N đều không thực hiện. Vì vậy, P đã khởi kiện ra tại Tòa án nhân dân huyện Thường Tín yêu cầu anh N thanh toán trả toàn bộ các khoản nợ gốc là 181.101.546 đồng, nợ lãi của khoản vay tạm tính đến ngày 31/8/2022 là 149.393.951 đồng. Và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Ngoài ra còn đề nghị được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên các tài sản và khấu trừ nguồn thu hợp pháp của anh N để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp anh N không thanh toán được toàn bộ các khoản nợ.

Tại phiên tòa, phía P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin điều chỉnh tính lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm (11/9/2024) và đề nghị Tòa án giải quyết:

+ Buộc anh Trần Đại N phải thanh toán trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi của khoản vay tính đến ngày 11/9/2024, cụ thể là: Nợ gốc: 181.101.546 đồng; nợ lãi trong hạn: 57.566.812 đồng; nợ lãi quá hạn: 153.172.852 đồng; nợ lãi chậm trả lãi: 27.612.885 đồng. Tổng bằng: 419.454.095 đồng.

Kể từ ngày 12/9/2024, cho đến khi thi hành án xong, anh N còn phải trả ngân hàng P khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ cho đến khi tất toán xong khoản nợ với Ngân hàng.

Ngoài ra Ngân hàng còn đề nghị được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên các tài sản và khấu trừ nguồn thu hợp pháp của anh N để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp anh N không thanh toán được toàn bộ các khoản nợ.

Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\*Bị đơn anh Trần Đại N:* Trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, anh Trần Đại N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có quan điểm về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị. Do bị đơn vắng mặt nên tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

*\*Đại diện VKSND tham gia phiên tòa xác định:*

Về tố tụng: Việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa P và ông Trần Đại N là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn Trần Đại N có đăng ký HKTT và chỗ ở tại Khu tập thể bệnh viện T3, xã H1, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện Thường Tín thụ lý, giải quyết vụ án của P và ông Trần Đại N là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ về việc thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 196, 199, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã xác định tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác minh thu thập các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc giao thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát đảm bảo thời hạn quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án giao quyết định đưa vụ án ra xét xử Viện kiểm sát chưa đảm bảo quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát chưa đảm bảo thời hạn nghiên cứu hồ sơ của Viện kiểm sát theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã để quá thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 68, 70, 71, 72, 209 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Đại N đã vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên đã không thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các điều 143, 144, 147, 271, 273 BLTTDS 2015; các điều 299, 317, 318, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 13 [Thông tư 39/2016/TT-NHNN](#) ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn về phần nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn: Buộc ông Trần Đại N thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P số tiền nợ tạm tính đến

ngày 11/9/2024 là: 391.841.210 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 181.101.546 đồng; Nợ lãi là: 210.739.664 đồng (trong đó, nợ lãi trong hạn: 57.566.812 đồng, lãi trên gốc quá hạn: 153.172.852 đồng. Không chấp nhận phần yêu cầu của Nguyên đơn về phần lãi chậm trả: 27.612.885 đồng.

Ông Trần Đại N phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng tương ứng với thời điểm chưa thanh toán, đúng theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký tính từ ngày 12/9/2024 cho đến ngày thực tế thanh toán xong khoản nợ.

Về án phí: Ông Trần Đại N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. P phải nộp án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:*

⇒⇒⇒ *Về tố tụng:* Căn cứ vào đơn khởi kiện và Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ cùng lời trình bày của bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy các bên tham gia ký kết hợp đồng tín dụng là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và anh Trần Đại N với mục đích vay tiêu dùng, vì vậy đây là vụ kiện dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do bị đơn có địa chỉ và cư trú tại tập thể Bệnh viện T3 I, xã Hoà Bình, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Thường Tín thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 149, 154 Bộ luật dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Trần Đại N: Trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án thông báo, gửi và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, đồng thời triệu tập đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng anh N vẫn vắng mặt (không lý do). Do vậy, việc xét xử vắng mặt anh N là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

⇒↑⇒ *Về nội dung:* Ngày 26/01/2018 anh Trần Đại N ký hợp đồng cho vay trả góp bằng lương 61/2018/HĐTD/PVB-MĐ với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh L1 – Phòng giao dịch M vay số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Ngày 26/01/2018 phía ngân hàng đã giải ngân cho anh Trần Đại N đủ số tiền vay 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) đã được anh N ký nhận tại Khế ước nhận nợ số 01 ngày 26/01/2018. Các bên thỏa thuận: Mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên; lãi suất 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân là 14,5%/năm, sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được xác định bằng lãi suất tiền gửi sản phẩm Đ1 kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của P công bố từng thời kỳ cộng biên độ 6%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi theo quy định của Ngân hàng nhưng không vượt quá 10%/năm; tiền gốc

và tiền lãi trả vào ngày 26 hàng tháng theo dư nợ giảm dần, mỗi kỳ trả nợ gốc là 3.334.000 đồng bắt đầu tính từ ngày 26/02/2018.

Căn cứ vào hợp đồng cho vay trả góp bằng lương 61/2018/HĐTD/PVB-MĐ ngày 26/01/2018 và Khế ước nhận nợ số 01 ngày 26/01/2018 ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với anh Trần Đại N; căn cứ vào các Quyết định về lãi suất huy động vốn cùng các tài liệu chứng cứ do phía Ngân hàng thương mại cổ phần Đ xuất trình tại phiên tòa như các Bảng tính số gốc, lãi đã trả và chưa trả của khoản vay, có đủ cơ sở khẳng định tính đến thời điểm xét xử là ngày 11/9/2024 phía anh Trần Đại N còn nợ ngân hàng thương mại cổ phần Đ các khoản: Nợ gốc: 181.101.546 đồng; nợ lãi trong hạn: 57.566.812 đồng; nợ lãi quá hạn: 153.172.852 đồng; nợ lãi chậm trả lãi: 27.612.885 đồng. Tổng bằng: 419.454.095 đồng.

Xét Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là bình đẳng, tự nguyện, các điều khoản quy định trong hợp đồng về lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi đều không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, việc ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu anh Trần Đại N phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, nợ lãi chậm trả lãi đến ngày 11/9/2024 (Thời điểm xét xử sơ thẩm) tổng bằng **419.454.095** đồng, đồng thời cần buộc ông N còn phải chịu về khoản lãi quá hạn trên dư nợ gốc kể từ ngày 12/9/2024 theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được chấp nhận nên bị đơn anh Trần Đại N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, cụ thể:

1.1. Buộc anh Trần Đại N phải thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần Đ các khoản nợ tính đến ngày 11/9/2024 theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương 61/2018/HĐTD/PVB-MĐ ngày 26/01/2018 và Khế ước nhận nợ số 01 ngày 26/01/2018, cụ thể như sau: Nợ gốc: 181.101.546 đồng; nợ lãi trong hạn: 57.566.812 đồng; nợ lãi quá hạn: 153.172.852 đồng; nợ lãi chậm trả lãi: 27.612.885 đồng. Tổng bằng: **419.454.095** (bốn trăm mười chín triệu, bốn trăm năm bốn nghìn, không trăm chín lăm đồng) đồng.

1.2. Kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, anh Trần Đại N còn phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Hợp cho vay trả góp bằng lương 61/2018/HĐTD/PVB-MĐ ngày 26/01/2018 và Khế ước nhận nợ số 01 ngày 26/01/2018.

1.3. Sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, anh Trần Đại N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên các tài sản và khấu trừ nguồn thu hợp pháp của anh N để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp anh N không thanh toán được toàn bộ các khoản nợ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

2. Về án phí: Anh Trần Đại N phải chịu 20.972.000 đồng (Hai mươi triệu, chín trăm bảy hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân thương mại cổ phần Đ 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0016155 ngày 07/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Duy Trí**